

Tiêu chuẩn về Chất tiết kiệm dầu công nghệ NANO

1. Phạm vi

Tiêu chuẩn này qui định cách phân loại, đánh số, kí hiệu, yêu cầu kĩ thuật, phương pháp thử nghiệm, qui tắc kiểm tra và đánh dấu, đóng gói, vận chuyển và yêu cầu kĩ thuật đối với chất tiết kiệm dầu công nghệ NANO

2. Tài liệu trích dẫn

Những trích dẫn về tiêu chuẩn này trong các tài liệu dưới đây là một bộ phận của tiêu chuẩn này. Các tài liệu nào có chú thích ngày tháng, thì tất cả các bản sửa đổi (không bao gồm nội dung đính chính) hoặc các bản điều chỉnh sau đó đều không phù hợp với tiêu chuẩn này, tuy nhiên khuyến khích các bên dựa trên tiêu chuẩn này thoả thuận nghiên cứu sử dụng bản tài liệu mới nhất, những tài liệu trích dẫn nào mà không có chú thích ngày tháng thì bản mới nhất của nó ứng dụng cho tiêu chuẩn này.

GB/T 508 Tiêu chuẩn đo lường lượng chứa tro sản phẩm dầu mỏ

GB/T 511 Tiêu chuẩn đo lường tạp chất trong sản phẩm dầu mỏ và chất phụ gia (tiêu chuẩn trọng lượng)

GB/T 1884 Tiêu chuẩn đo lường mật độ dầu thô và sản phẩm dầu thể lỏng (tiêu chuẩn tính mật độ)

GB/T 4756 Tiêu chuẩn lấy mẫu dầu mỏ và các sản phẩm dầu thể lỏng (phương pháp lấy mẫu bằng tay)

SH 0164 Qui tắc đóng gói, vận chuyển cất giữ và nghiệm thu giao hàng của sản phẩm dầu

Lệnh số 3 “ Qui định về giám sát đo lường đóng gói định lượng sản phẩm” của Cục giám sát kĩ thuật nhà nước

3. Phân loại và đánh số

(1) Chất tiết kiệm dầu của dầu điêzen công nghệ NANO NWD-168

(2) Chất tiết kiệm dầu của dầu nặng theo công nghệ NANO

4. Định nghĩa

Nami: nanometer

Đơn vị độ dài: 1 nami= 10^{-9} m, trong tiêu chuẩn này chỉ sản phẩm dầu sau khi thêm chất phụ gia hình thành sản phẩm dầu chứa dung dịch nước cấp nami

5. Kí hiệu và từ viết tắt

N: nanometer chỉ nami

W: water chỉ nước

H: heavy chỉ dầu nặng

D:diesel chỉ dầu điêzen

6. Yêu cầu kĩ thuật

6.1 Yêu cầu kĩ thuật đối với chất tiết kiệm dầu cho dầu điêzen theo công nghệ NANO

Yêu cầu kĩ thuật xem bảng 1

Bảng 1: Yêu cầu kĩ thuật đối với chất tiết kiệm dầu cho dầu điêzen công nghệ NANO

Hạng mục	Chỉ tiêu chất lượng
Hình dạng bên ngoài	Dung dịch trong màu xanh lam đến màu nâu sậm
mật độ (20 ⁰ C), g/cm ³	0,9
tạp chất	Không có
lượng chứa tro, % <	0,5
điểm nháy (đóng cửa), ⁰ C	50

6.2 Yêu cầu kĩ thuật đối với chất tiết kiệm dầu cho dầu nặng công nghệ NANO

Yêu cầu kĩ thuật xem bảng 2

Bảng 2. Yêu cầu kĩ thuật chất tiết kiệm dầu cho dầu nặng công nghệ NANO

Hạng mục	Chỉ tiêu chất lượng
----------	---------------------

Hình dạng bên ngoài	Dung dịch trong màu vàng đến màu lá cọ
mật độ (20 ^o C), g/cm ³	0,9
tạp chất	Không có
lượng chứa tro, % <	1,0
điểm nháy (đóng cửa), ^o C	50

6.3 Hàm lượng tinh

Độ chênh lệch: phải phù hợp qui định của Bảng 1 điều 5 lệnh số 43 “Qui định giám sát đo lường đóng gói định lượng sản phẩm” của Cục giám sát kĩ thuật nhà nước.

7 Phương pháp thử nghiệm

7.1 Hình dáng bên ngoài

Tiến hành theo tiêu chuẩn đo lường

7.2 Mật độ

Tiến hành theo qui định của GB/T 1884

7.3 Điểm nháy

Tiến hành theo qui định của GB/T 261

7.4 Tạp chất máy móc

Tiến hành theo qui định của GB/T 511

7.5 Lượng chất tro

Tiến hành theo qui định của GB/T 508

7.6 Hàm lượng tinh

Tiến hành theo qui định của Bảng 3 điều 6 lệnh số 43 “Qui định giám sát đo lường định lượng đóng gói sản phẩm”

8. Qui tắc kiểm tra

8.1 Phân loại kiểm nghiệm

Kiểm nghiệm sản phẩm chia thành kiểm nghiệm xuất xưởng và kiểm nghiệm hình thức

8.2 Lấy mẫu

Mỗi một lô sản xuất là một lần kiểm nghiệm, tiến hành theo GB/T 4756, mỗi lần lấy 1L để kiểm nghiệm và giữ mẫu lại dùng

8.3 Kiểm nghiệm xuất xưởng

8.3.1 Mỗi một lô sản phẩm do Bộ phận kiểm tra chất lượng của nhà máy tiến hành kiểm nghiệm xuất xưởng theo tiêu chuẩn này, sau khi kiểm nghiệm đủ tiêu chuẩn sản phẩm được cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn mới được phép xuất xưởng.

8.3.2 Hạng mục kiểm nghiệm

Hạng mục kiểm nghiệm bao gồm tất cả các hạng mục được qui định trong yêu cầu tiêu chuẩn này

8.3.3 Phán định đủ tiêu chuẩn

Tất cả hạng mục theo qui định của tiêu chuẩn này đủ tiêu chuẩn thì phán định lô sản phẩm này đủ tiêu chuẩn. Khi có kiến nghị về chất lượng sản phẩm có thể lấy mẫu kiểm nghiệm lại lần nữa, nếu vẫn không đủ tiêu chuẩn thì phán định lô sản phẩm đó không đủ tiêu chuẩn.

8.4 Kiểm nghiệm hình thức

8.4.1 Đối với yêu cầu được qui định trong tiêu chuẩn, tiến hành kiểm nghiệm toàn bộ tức là kiểm nghiệm hình thức. Khi có một trong các tình huống sau thì sản phẩm phải tiến hành kiểm nghiệm hình thức sản phẩm:

- a) Kiểm nghiệm lượng sản xuất thử sản phẩm mới
- b) Trong trường hợp sản xuất bình thường, mỗi năm tiến hành 1 lần

- c) Sau khi sản xuất chính thức, nguyên liệu và công nghệ có sự thay đổi khá lớn, có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm
- d) Ngừng sản xuất sản phẩm từ nửa năm trở lên sau đó khôi phục lại sản xuất
- e) Cơ quan kiểm định chất lượng nhà nước yêu cầu kiểm nghiệm hình thức

8.4.2 Phán định đủ tiêu chuẩn

Toàn bộ hạng mục của kiểm nghiệm hình thức đủ tiêu chuẩn thì phán định lô sản phẩm đó đủ tiêu chuẩn. Trong kết quả kiểm nghiệm nếu có một hạng mục nào không đủ tiêu chuẩn có thể tăng số lần lấy mẫu mới kiểm nghiệm lại, đối với việc kiểm nghiệm lại hạng mục không đủ tiêu chuẩn nếu kết quả kiểm nghiệm lại phù hợp với tiêu chuẩn quy định thì phán định lô sản phẩm đó đủ tiêu chuẩn, nếu vẫn không đủ tiêu chuẩn thì phán định lô sản phẩm đó không đủ tiêu chuẩn

9. Đánh dấu, đóng gói, vận chuyển, cất giữ

Đánh dấu, đóng gói, vận chuyển, cất giữ và nghiệm thu giao hàng tiến hành theo SH. Sản phẩm này phải dùng thùng mới sạch sẽ đóng gói.